TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm – Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thùy Trang
2. Bà Trần Thị Phiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST- HNGĐ, ngày 06/02/2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bùi Thị Thu T, sinh năm 1997
Bị đơn: Nguyễn Hữu H, sinh năm 1993
Cùng địa chỉ: ấp Phú B, xã Phú L, huyện C, Đồng Tháp.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Hữu H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/01/2018 và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Bùi Thị Thu T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Bùi Thị Thu T và anh Nguyễn Hữu H tổ chức cưới và chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì anh H lại ghen tuông vô cớ, không tôn trọng cha mẹ chị T mà còn đánh chị, mặc dù cha mẹ can ngăn nhưng anh H vẫn không thay đổi nên chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay.

Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

- *Về con chung*: không có
- *Về tài sản chung:* vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Nợ chung*: không có

Theo các lời khai tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh H và chị T chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Long, huyện Châu Thành. Sau khi kết hôn anh và chị T chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T muốn đi làm nhưng anh không đồng ý nên vợ chồng xảy ra cự cải và anh chỉ đánh chị T một lần duy nhất do chị T dùng kéo đánh anh, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay.

Hiện nay anh H vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* không có.
- *Về tài sản chung:* vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung:* không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩn phán đã tuân thủ theo đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự.
- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.
- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn chấp hành đúng qui định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng qui định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.
- Về con chung: không có
- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét
- Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa chị Bùi Thị Thu T với anh Nguyễn Hữu H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết.

[2] Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Hữu H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thu T và anh Nguyễn Hữu H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T cho rằng anh H không tôn trọng cha mẹ vợ, lại còn nghen tuông vô cớ rồi đánh chị T, cha mẹ có khuyên nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay, chị T xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn. Anh H thì cho rằng do chị T muốn đi làm nhưng anh H không đồng ý nên vợ chồng xảy ra cự cải và anh chỉ đánh chị T một lần duy nhất. Hiện nay anh H vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân bền vững phải trên cơ sở tự nguyện. Từ ngày anh H và chị T sống ly thân với nhau cho đến nay, anh H cũng không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T xác định không còn tình cảm với anh H nên cương quyết ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T với anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

[2] *Về con chung:* không có

[3] *Về tài sản chung:* Chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về *nợ chung:* không có nên không xem xét

[5] *Về án phí:* chị Bùi Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự .

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

2. về con chung: không có

3. *Về tài sản chung:* Chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có

3. *Về án phí*: chị Bùi Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 05/02/2018 theo biên lai số 02855 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành sẽ được chuyển thành án phí chị T phải nộp.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn; báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện C;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS H. C
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thiêm